



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thôn
Ông Lê Phước Đức

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Mỹ
Ông Nguyễn Tiến Tùng
Ông Võ Văn Á
Bà Nguyễn Thị Ám
Ông Phạm Thanh Thọ
Ông Trần Quốc Thanh
Bà Thủy Vũ Dropsey

Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thôn
Ông Nguyễn Mỹ
Ông Lê Phước Đức

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng
Bà Lê Thu Hiền
Ông Phan Bá Ngọc Phương
Bà Võ Thị Thùy Tiên
Ông Huỳnh Thanh Nhuận

Trưởng Ban Kiểm soát
Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 23, Đường Hà Hoàng Hổ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 7 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-275/C



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.932.263.681.569	4.270.434.338.723
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	164.992.788.629	278.935.723.403
Tiền	111		161.992.788.629	278.935.723.403
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.105.916.667	25.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16	26.105.916.667	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.740.063.661.852	1.733.262.752.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	1.754.540.005.421	1.721.567.399.228
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.180.501.265	61.689.194.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	129.260.181.679	101.678.865.652
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(157.917.026.513)	(151.672.706.832)
Hàng tồn kho	140	12	1.934.132.720.054	2.170.130.746.170
Hàng tồn kho	141		1.934.132.720.054	2.193.188.187.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(23.057.441.417)
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.968.594.367	63.105.117.014
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	13.029.390.935	10.456.326.990
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.939.203.432	52.363.530.586
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	285.259.438
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.859.844.532.991	1.888.670.450.306
Tài sản cố định	220		1.515.912.353.540	1.562.659.287.704
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.185.568.583.437	1.224.862.955.176
Nguyên giá	222		1.712.371.147.216	1.693.103.145.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(526.802.563.779)	(468.240.189.915)
Tài sản cố định vô hình	227	14	330.343.770.103	337.796.332.528
Nguyên giá	228		335.423.077.680	341.529.532.062
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.079.307.577)	(3.733.199.534)
Tài sản dở dang dài hạn	240		192.203.916.264	176.300.536.749
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	192.203.916.264	176.300.536.749

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		202.000.000	202.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		151.526.263.187	149.508.625.853
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	133.041.960.583	131.689.732.959
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18	18.143.994.135	17.447.647.291
Lợi thế thương mại	269	19	340.308.469	371.245.603
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.792.108.214.560	6.159.104.789.029
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.689.070.212.355	3.983.092.975.788
Nợ ngắn hạn	310		3.640.065.873.205	3.857.391.295.142
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.009.732.415.281	1.545.244.521.352
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.832.999.788	43.290.512.554
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	74.423.345.974	78.152.281.955
Phải trả người lao động	314		33.121.146.488	44.128.012.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	47.409.912.071	62.282.358.161
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	226.263.732.451	130.940.331.908
Vay ngắn hạn	320	24(a)	2.166.483.264.150	1.905.444.686.305
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	56.799.057.002	47.908.590.719
Nợ dài hạn	330		49.004.339.150	125.701.680.646
Phải trả dài hạn khác	337		1.640.000.000	1.690.000.000
Vay dài hạn	338	24(b)	-	73.721.650.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	47.364.339.150	50.290.030.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.103.038.002.205	2.176.011.813.241
Vốn chủ sở hữu	410	27	2.103.038.002.205	2.176.011.813.241
Vốn cổ phần	411	28	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		484.436.714	375.981.959
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.424.612.054	685.861.374.028
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		184.333.305.366	179.556.267.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		184.557.807.062	334.859.555.015
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		334.859.555.015	282.317.345.691
- <i>Chi trả cổ tức</i>	421a		(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
- <i>Trích lập và hoàn nhập các quỹ</i>	421a		(144.961.800.532)	(93.002.407.702)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		196.143.502.579	347.028.067.026
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.553.341.009	25.674.134.783
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.792.108.214.560	6.159.104.789.029

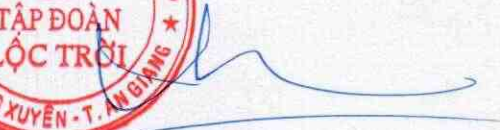
Ngày 19 tháng 7 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tân Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	4.245.983.643.691	3.627.367.814.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	170.624.244.850	86.066.914.070
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	4.075.359.398.841	3.541.300.900.648
Giá vốn hàng bán	11	32	3.210.848.672.864	2.846.883.159.953
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		864.510.725.977	694.417.740.695
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	9.666.815.210	15.699.210.986
Chi phí tài chính	22	34	68.615.990.585	67.155.817.012
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>57.013.067.706</i>	<i>61.050.673.631</i>
Chi phí bán hàng	25	35	384.884.846.348	274.581.123.948
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	175.518.978.561	164.138.795.309
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		245.157.725.693	204.241.215.412
Thu nhập khác	31	37	12.011.600.352	4.235.225.966
Chi phí khác	32		2.690.418.322	1.966.809.371
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.321.182.030	2.268.416.595
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		254.478.907.723	206.509.632.007
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	59.173.237.268	43.387.491.971
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	(696.346.844)	3.562.109.994
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		196.002.017.299	159.560.030.042

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Đã phân loại lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		196.002.017.299	159.560.030.042
Phân bổ:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		196.143.502.579	158.844.774.056
Cổ đông không kiểm soát	62		(141.485.280)	715.255.986
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	2.482	2.010

Ngày 19 tháng 7 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		254.478.907.723	206.509.632.007
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		66.105.735.915	59.731.417.460
Các khoản dự phòng	03		(16.950.590.427)	14.788.181.882
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(447.221.498)	(6.015.492.986)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		1.509.252.066	(50.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(1.537.384.412)	(2.427.954.771)
Chi phí lãi vay	06		57.013.067.706	61.050.673.631
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		360.171.767.073	333.586.457.223
Biến động các khoản phải thu	09		(13.775.469.240)	258.980.539.518
Biến động hàng tồn kho	10		259.055.467.533	195.295.216.466
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(578.005.676.270)	(330.002.831.043)
Biến động chi phí trả trước	12		1.912.081.342	8.351.353.239
			29.358.170.438	466.210.735.403
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.081.016.139)	(60.399.714.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57.713.973.430)	(5.889.495.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.908.218.612)	(86.456.144.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(147.345.037.743)	313.465.381.244
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(61.564.604.218)	(92.378.434.922)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.986.735.109	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(162.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		431.467.745	2.427.954.771
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(42.146.401.364)	(90.062.480.151)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	31		1.600.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.793.651.672.189	2.585.988.661.288
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.606.046.169.344)	(2.877.435.250.732)
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty	36		(112.864.110.000)	(656.475.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(1.166.391.163)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		75.175.001.682	(292.103.064.444)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(114.316.437.425)	(68.700.163.351)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		278.935.723.403	190.191.854.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		265.047.896	(317.561.432)
Ảnh hưởng của quy đổi hoạt động ở nước ngoài	61		108.454.755	(210.521.461)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	164.992.788.629	120.963.608.280

Ngày 19 tháng 7 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con (1/1/2017: 13 công ty con), chi tiết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/6/2017	1/1/2017
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	60%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 3.424 nhân viên (1/1/2017: 3.549 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 2 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 10 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

(q) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

5. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ.

6. Các thay đổi trong cơ cấu Tập đoàn

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua 30% cổ phần của Công ty Cổ phần Nông dược TSC. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa thực hiện việc mua cổ phần này.

Ngoại trừ thay đổi nêu trên, không có sự thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tập đoàn trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo (bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống cây trồng cho nông dân do mục đích phát triển nguồn nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh lương thực)
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì
- Xây dựng

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	2.312.199.550.710	1.955.312.891.044	1.327.875.651.619	1.181.937.050.225	348.679.410.451	277.473.332.926	67.144.071.320	76.094.699.891	19.460.714.741	50.482.926.562	-	-	4.075.359.398.841	3.541.300.900.648
Doanh thu giữa các bộ phận	116.459.198.397	128.628.318.717	44.003.356.414	26.828.738.636	28.066.658.947	34.324.702.660	5.509.785.150	22.540.784.508	1.089.376.407	4.316.720.283	(195.128.375.315)	(216.639.264.804)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.428.658.749.107	2.083.941.209.761	1.371.879.008.033	1.208.765.788.861	376.746.069.398	311.798.035.586	72.653.856.470	98.635.484.399	20.550.091.148	54.799.646.845	(195.128.375.315)	(216.639.264.804)	4.075.359.398.841	3.541.300.900.648
Lợi nhuận gộp của bộ phận	727.784.810.791	551.109.703.092	31.727.790.643	80.708.152.721	85.147.518.234	50.000.117.688	12.096.139.731	14.721.511.282	7.229.293.653	6.558.431.604	525.172.925	(8.680.175.692)	864.510.725.977	694.417.740.695
Chi phí không phân bổ, thuần													(619.353.000.284)	(490.176.525.283)
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh													245.157.725.693	204.241.215.412
Thu nhập khác không phân bổ													12.011.600.352	4.235.225.966
Chi phí khác không phân bổ													(2.690.418.322)	(1.966.809.371)
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ													(58.476.890.424)	(46.949.601.965)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN													196.002.017.299	159.560.030.042

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Hợp nhất	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	2.801.649.288.741	2.733.284.131.993	2.036.173.286.659	2.303.182.327.476	601.724.097.363	536.663.696.566	141.159.711.461	181.004.438.349	33.439.333.294	51.087.315.899	5.614.145.717.518	5.805.221.910.283
Tài sản không phân bổ											177.962.497.042	353.882.878.746
Tổng tài sản											5.792.108.214.560	6.159.104.789.029
Nợ phải trả của bộ phận	562.591.610.717	966.471.951.945	382.683.667.943	486.053.922.958	93.370.742.076	103.217.116.580	21.300.805.264	50.159.474.131	6.781.161.067	22.229.924.724	1.066.727.987.067	1.628.132.390.338
Nợ phải trả không phân bổ											2.622.342.225.288	2.354.960.585.450
Tổng nợ phải trả											3.689.070.212.355	3.983.092.975.788
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiêu vốn	35.813.964.919	44.610.507.062	13.903.827.090	28.908.994.841	8.847.535.247	17.568.326.552	2.280.390.317	765.828.925	718.886.645	524.777.542	61.564.604.218	92.378.434.922
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	16.017.803.582	14.317.794.236	35.466.418.568	31.102.259.486	6.845.190.441	6.766.521.905	4.928.018.335	4.815.070.797	1.471.259.812	1.547.712.698	64.728.690.738	58.549.359.122
Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	483.082.100	657.827.799	808.885.063	448.176.005	54.140.880	45.117.400	-	-	30.937.134	30.937.134	1.377.045.177	1.182.058.338

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được phân chia theo khu vực địa lý (vị trí địa lý của khách hàng) như sau:

	Việt Nam		Châu Á (trừ Việt Nam)		Các khu vực khác		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.651.754.352.815	3.120.726.423.721	379.611.338.949	377.992.691.125	43.993.707.077	42.581.785.802	4.075.359.398.841	3.541.300.900.648
Chi tiêu vốn không phân bổ							61.564.604.218	92.378.434.922
	Việt Nam		Châu Á (trừ Việt Nam)		Các vùng khác		Hợp nhất	
	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận không phân bổ							5.792.108.214.560	6.159.104.789.029

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	19.769.548.678	13.861.235.896
Tiền gửi ngân hàng	142.223.239.951	265.074.487.507
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	164.992.788.629	278.935.723.403

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 39.576 triệu VND (1/1/2017: 49.585 triệu VND) được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 24(b)).

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Nguyễn Minh Hùng	11.231.443.002	11.321.143.002
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	11.195.607.350	11.195.607.350
Công ty TNHH Tân Sáng	8.251.934.225	10.966.813.725
Các khách hàng khác	1.723.861.020.844	1.688.083.835.151
	1.754.540.005.421	1.721.567.399.228

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Tạm ứng cho người lao động	55.004.661.243	44.978.894.879
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	15.834.183.494	3.635.123.680
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.057.671.558	946.943.908
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	8.030.965.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	36.183.970.603	38.969.173.404
	129.260.181.679	101.678.865.652

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			1/1/2017			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn								
Nguyễn Minh Hùng Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Từ 2 đến 3 năm	11.231.443.002	(7.862.901.019)	3.368.541.983	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-
Đinh Thị Phương	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(5.732.107.888)	3.895.105.621	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	9.318.582.005	(9.318.582.005)	-	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Nguyễn Văn Đễ	Trên 3 năm	6.720.573.077	(6.720.573.077)	-	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.890.358.320	(3.890.358.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
		230.716.913.285	(100.994.988.299)	129.721.924.986		221.003.751.735	(102.178.267.259)	118.825.484.476
		<u>294.902.599.103</u>	<u>(157.917.026.513)</u>	<u>136.985.572.590</u>		<u>285.420.541.373</u>	<u>(151.672.706.832)</u>	<u>133.747.834.541</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	151.672.706.832	114.549.076.758
Trích lập dự phòng trong kỳ	15.799.037.110	19.895.507.152
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(9.554.717.429)	-
Số dư cuối kỳ	157.917.026.513	134.444.583.910

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	24.511.451.010	-	19.020.874.159	-
Nguyên vật liệu	496.149.157.667	-	638.468.759.890	(4.315.351.762)
Công cụ và dụng cụ	11.077.047.931	-	11.297.971.344	-
Sản phẩm dở dang	32.716.745.415	-	41.387.799.770	-
Thành phẩm	417.792.720.320	-	515.508.820.637	(18.742.089.655)
Hàng hóa	910.430.147.921	-	949.254.152.872	-
Hàng gửi đi bán	41.455.449.790	-	18.249.808.915	-
	1.934.132.720.054	-	2.193.188.187.587	(23.057.441.417)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có hàng tồn kho (1/1/2017: 291.572 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	23.057.441.417	11.299.400.663
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.362.722.464
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.057.441.417)	(6.806.448.829)
Số dư cuối kỳ	-	6.855.674.298

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	709.431.548.598	674.914.758.400	286.397.075.203	22.359.762.890	1.693.103.145.091
Tăng trong kỳ	1.862.536.256	14.758.501.759	8.474.461.591	1.154.030.001	26.249.529.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.816.624.573	5.040.335.472	653.543.636	1.054.226.040	8.564.729.721
Thanh lý	(5.257.751.950)	(4.316.253.744)	(5.972.251.509)	-	(15.546.257.203)
Số dư cuối kỳ	707.852.957.477	690.397.341.887	289.552.828.921	24.568.018.931	1.712.371.147.216
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	123.388.202.985	196.768.543.520	134.833.493.117	13.249.950.293	468.240.189.915
Khấu hao trong kỳ	17.104.018.132	31.049.535.736	15.040.224.646	1.534.912.224	64.728.690.738
Thanh lý	-	(1.069.845.815)	(5.096.471.059)	-	(6.166.316.874)
Số dư cuối kỳ	140.492.221.117	226.748.233.441	144.777.246.704	14.784.862.517	526.802.563.779
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	586.043.345.613	478.146.214.880	151.563.582.086	9.109.812.597	1.224.862.955.176
Số dư cuối kỳ	567.360.736.360	463.649.108.446	144.775.582.217	9.783.156.414	1.185.568.583.437

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 89.494 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 89.139 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 793.288 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2017: 767.706 triệu VND) (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	330.903.094.258	10.626.437.804	341.529.532.062
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.513.425.718	-	1.513.425.718
Thanh lý	(7.619.880.100)	-	(7.619.880.100)
Số dư cuối kỳ	324.796.639.876	10.626.437.804	335.423.077.680
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	504.619.263	3.228.580.271	3.733.199.534
Khấu hao trong kỳ	795.963.268	550.144.775	1.346.108.043
Số dư cuối kỳ	1.300.582.531	3.778.725.046	5.079.307.577
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	330.398.474.995	7.397.857.533	337.796.332.528
Số dư cuối kỳ	323.496.057.345	6.847.712.758	330.343.770.103

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.407 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.407 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	176.300.536.749	203.185.750.236
Tăng trong kỳ	35.315.074.611	62.288.002.593
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.564.729.721)	(9.244.767.147)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.513.425.718)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.837.372.911)	(1.134.502.044)
Thanh lý	(3.496.166.746)	-
Số dư cuối kỳ	192.203.916.264	255.094.483.638

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà máy sản xuất gạo	54.285.200.580	54.741.441.970
Nhà máy thuốc Châu Thành	38.550.127.963	32.203.272.958
Nhà máy sản xuất phân bón Ân Thịnh Điền	30.578.807.976	30.131.002.149
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.283.981.534	17.560.236.232
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	7.505.705.402
Nâng cấp các trại sản xuất giống	4.540.521.709	5.734.259.266
Các dự án khác	45.318.982.016	28.424.618.772
Tổng cộng	192.203.916.264	176.300.536.749

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 53.848 triệu VND (1/1/2017: 54.741 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	2.747.683.622	1.474.289.643
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.863.126.194	3.732.310.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.418.581.119	5.249.726.837
	13.029.390.935	10.456.326.990

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí	Công cụ và	Tổng
	đất trả trước	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	65.650.670.006	66.039.062.953	131.689.732.959
Tăng trong kỳ	370.000.000	20.326.112.637	20.696.112.637
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.837.372.911	5.837.372.911
Phân bổ trong kỳ	(2.052.692.553)	(23.128.565.371)	(25.181.257.924)
	63.967.977.453	69.073.983.130	133.041.960.583

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	7.636.022.528	6.831.871.097
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.326.414.149	9.439.344.821
Lợi nhuận chưa thực hiện	940.289.908	873.949.823
Phải trả ngắn hạn khác	241.267.550	302.481.550
	<hr/>	<hr/>
	18.143.994.135	17.447.647.291
	<hr/>	<hr/>

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	10.618.742.671
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	10.247.497.068
Khấu hao trong kỳ	30.937.134
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.278.434.202
	<hr/>
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	371.245.603
Số dư cuối kỳ	340.308.469
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	787.766.791.061	1.254.803.250.645
Eastchem Co., Ltd	72.677.695.556	66.643.444.780
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	29.173.185.750	66.246.150.000
Công ty TNHH UPL Việt Nam	34.142.842.154	36.730.284.150
Các nhà cung cấp khác	85.971.900.760	120.821.391.777
	<hr/>	<hr/>
	1.009.732.415.281	1.545.244.521.352
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Số được hoàn trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.182.243.083	259.064.951.843	(186.564.013.740)	-	(68.844.519.852)	16.838.661.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.782.240.280	59.173.237.268	-	-	(57.713.973.430)	59.241.504.118
Thuế thu nhập cá nhân	7.085.521.249	18.547.784.467	-	(6.932.051.117)	(20.368.640.707)	(1.667.386.108)
Các loại thuế khác	102.277.343	10.490.405.904	-	-	(10.582.116.617)	10.566.630
	78.152.281.955	347.276.379.482	(186.564.013.740)	(6.932.051.117)	(157.509.250.606)	74.423.345.974

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	41.203.911.355	52.085.789.616
Chi phí lãi vay	2.935.099.078	3.003.047.511
Chi phí hội nghị khách hàng	-	4.936.307.500
Chi phí phải trả khác	3.270.901.638	2.257.213.534
	<hr/>	<hr/>
	47.409.912.071	62.282.358.161
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả của Công ty	201.873.315.000	113.253.975.000
Cổ tức phải trả của một công ty con	34.926.800	11.880.963
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.318.878.144	5.307.763.083
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	5.593.242.708	2.210.350.006
Phải trả ngắn hạn khác	10.443.369.799	10.156.362.856
	<hr/>	<hr/>
	226.263.732.451	130.940.331.908
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.602.710.086.305	2.793.651.672.189	(2.454.526.294.344)	(288.575.000)	1.941.546.889.150
Vay dài hạn đến hạn trả	302.734.600.000	73.721.650.000	(151.519.875.000)	-	224.936.375.000
	1.905.444.686.305	2.867.373.322.189	(2.606.046.169.344)	(288.575.000)	2.166.483.264.150

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên cho vay				
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	134.959.199.350	148.108.653.202
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	135.449.755.578	92.343.409.950
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	92.134.166.838	24.458.401.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	380.764.519.520	129.408.819.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	56.554.266.000	159.934.018.592
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	259.610.082.368	93.670.367.500
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	181.960.000.000	478.002.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	559.189.001.154	442.138.234.400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(ix)	VND	86.687.430.033	-
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	VND	54.048.468.309	14.025.904.380
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	USD	-	16.913.076.480
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang		VND	-	3.517.200.349
Quỹ Công đoàn		VND	190.000.000	190.000.000
			1.941.546.889.150	1.602.710.086.305

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,1% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,0%).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 3,8% đến 5,2% (1/1/2017: 4,9%).
- (iii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,7% đến 4,95% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,6%).
- (iv) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (v) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,0% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (vii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm là 2,1% (1/1/2017: từ 2,0% đến 2,3%).
- (viii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,6% đến 5,0%).
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 100 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 5,5%.
- (x) Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 5,2% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD (1/1/2017: từ 4,7% đến 4,9% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	224.936.375.000	376.456.250.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(224.936.375.000)	(302.734.600.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	73.721.650.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited	(i)	USD	2018	4,5% – 4,8%	204.136.375.000	355.656.250.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
					224.936.375.000	376.456.250.000

(i) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 39.576 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 49.585 triệu VND) (Thuyết minh 8) và động sản với giá trị ghi sổ là 412.393 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 429.339 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(ii) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (i) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 380.895 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 388.208 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở của khoản vay (i). Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	47.908.590.719	84.567.293.971
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	52.376.658.000	47.851.282.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(43.486.191.717)	(67.531.320.895)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	56.799.057.002	64.887.255.076
	<hr/>	<hr/>

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Bảo hành xây	Trợ cấp	Tổng
	dựng và xây lắp	thôi việc	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.093.306.540	47.196.724.106	50.290.030.646
Trích lập dự phòng trong kỳ	178.698.898	-	178.698.898
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.223.569.445)	(564.653.360)	(2.788.222.805)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(316.167.589)	-	(316.167.589)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	732.268.404	46.632.070.746	47.364.339.150
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	432.836.622	671.211.802.746	178.667.704.543	282.317.345.691	22.147.464.218	2.104.461.653.820
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	158.844.774.056	715.255.986	159.560.030.042
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	40.103.564.904	29.570.256.000	(69.673.820.904)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.851.282.000)	-	(47.851.282.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(210.521.461)	-	-	-	-	(210.521.461)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	-	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(18.924.823.832)	-	-	(18.924.823.832)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	222.315.161	711.315.367.650	189.313.136.711	122.153.566.843	22.862.720.204	1.995.551.606.569
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	196.143.502.579	(141.485.280)	196.002.017.299
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	73.563.238.026	20.410.842.000	(92.744.947.348)	(1.229.132.678)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(52.216.853.184)	(159.804.816)	(52.376.658.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	108.454.755	-	-	-	-	108.454.755
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.190.371.000)	(202.673.821.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(15.633.804.090)	-	-	(15.633.804.090)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	484.436.714	759.424.612.054	184.333.305.366	184.557.807.062	24.553.341.009	2.103.038.002.205

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

29. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu) .

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê tài sản

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.584.526.859	4.229.849.838
Trong vòng 2 đến 5 năm	8.364.327.447	6.293.884.601
Sau 5 năm	8.008.441.677	12.708.342.594
	17.957.295.983	23.232.077.033

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	2.109.232	47.974.491.848	2.408.030	54.531.876.643
▪ EUR	145	3.696.321	145	3.467.370
		47.978.188.169		54.535.344.013

(c) Vàng tiền tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Khối lượng (Lượng)	Tương đương VND	Khối lượng (Lượng)	Tương đương VND
▪ 24K	309,3	10.847.245.000	-	-

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	30.000.000.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.516.570.880	19.706.528.446
	49.516.570.880	19.706.528.446

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	2.452.370.471.748	2.021.465.156.456
▪ Lương thực – Gạo	1.339.449.786.301	1.196.425.339.926
▪ Hạt giống cây trồng	367.558.599.581	281.751.070.984
▪ Bao bì	67.144.071.320	76.094.699.891
▪ Xây dựng	19.460.714.741	50.482.926.562
▪ Khác	-	1.148.620.899
	<hr/>	<hr/>
	4.245.983.643.691	3.627.367.814.718
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(157.881.909.695)	(41.997.897.881)
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.742.335.155)	(44.069.016.189)
	<hr/>	<hr/>
	(170.624.244.850)	(86.066.914.070)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.075.359.398.841	3.541.300.900.648

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.582.526.449.240	1.404.775.847.553
▪ Lương thực – Gạo	1.317.923.758.882	1.109.616.467.289
▪ Hạt giống cây trồng	264.583.226.620	230.464.193.668
▪ Bao bì	55.069.763.826	62.418.262.274
▪ Xây dựng	13.802.915.713	44.052.930.711
▪ Khác	-	346.272.823
▪ Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.057.441.417)	(4.790.814.365)
	<hr/>	<hr/>
	3.210.848.672.864	2.846.883.159.953

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.537.384.412	627.954.771
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.625.374.431	7.087.700.173
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	447.221.498	6.015.492.986
Cổ tức	-	1.800.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.834.869	168.063.056
	9.666.815.210	15.699.210.986

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	57.013.067.706	61.050.673.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.170.650.243	2.370.275.310
Chi phí tài chính khác	3.432.272.636	3.734.868.071
	68.615.990.585	67.155.817.012

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí cho nhân viên	128.604.001.344	133.303.399.641
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	104.036.551.317	37.335.127.496
Chi phí hội nghị khách hàng	52.092.594.900	10.080.751.192
Chi phí vận chuyển	21.732.752.296	22.293.295.327
Chi phí vật liệu bao bì	16.506.112.485	17.067.008.675
Chi phí xuất khẩu	9.534.558.768	9.196.355.934
Công tác phí	19.516.113.409	10.078.366.820
Khấu hao và phân bổ	7.131.887.784	6.169.133.250
Chi phí khác	25.730.274.045	29.057.685.613
	384.884.846.348	274.581.123.948

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Đã phân loại lại)	
Chi phí cho nhân viên	92.589.750.944	79.759.166.961
Chi phí giao tế	7.084.475.729	6.990.589.559
Khấu hao và phân bổ	10.939.982.275	10.320.071.888
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.786.729.124	4.564.838.877
Công tác phí	5.977.776.036	5.825.816.802
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.148.014.134	2.353.347.819
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	6.244.319.681	19.895.507.152
Chi phí khác	46.747.930.638	34.429.456.251
	175.518.978.561	164.138.795.309

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Hỗ trợ nhận từ các đối tác	8.788.166.407	2.637.475.559
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	9.709.592	50.000.000
Thu nhập khác	3.213.724.353	1.547.750.407
	12.011.600.352	4.235.225.966

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.799.219.380.014	2.822.582.587.987
Chi phí nhân công và nhân viên	284.727.539.507	241.485.414.875
Chi phí khấu hao và phân bổ	66.105.735.915	59.731.417.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.196.220.839	215.686.048.066
Chi phí khác	149.680.181.396	133.409.235.651

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	59.173.237.268	43.387.491.971
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(696.346.844)	3.562.109.994
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	58.476.890.424	46.949.601.965

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	254.478.907.723	206.509.632.007
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	50.895.781.545	41.301.926.401
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(491.179.262)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.212.089.218	1.572.953.225
Thu nhập không chịu thuế	-	(360.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	6.574.637.778	5.630.640.098
Sử dụng lợi ích của lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(205.618.117)	(704.738.497)
	58.476.890.424	46.949.601.965

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Công văn số 6333/BTC-TCT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty TNHH Một Thành Viên mới thành lập của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư nếu thực tế đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. Theo đó, thuế suất áp dụng đối với các công ty TNHH Một Thành Viên như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Nghị định 124”) của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các công ty con này không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong 3 năm liên tiếp từ năm đầu tiên các công ty con có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong kỳ.
- Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang, Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền, Công ty TNHH Một Thành Viên Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh, Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời, Công ty Cổ Phần Lộc Trời Miền Bắc và Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 67.161.150 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 67.161.150 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	196.143.502.579	158.844.774.056
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	29.421.525.387	23.826.716.108
	166.721.977.192	135.018.057.948

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 15% lợi nhuận thuần trong kỳ của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các kỳ trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	67.161.150	67.161.150

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tiền lãi được vốn hóa vào khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.105.916.667	-
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	201.518.376.800	201.483.450.000

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	7.747.480.000	10.435.692.000
Thành viên Ban Kiểm soát Tiền lương và thưởng	2.424.006.198	2.449.541.600

43. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ, ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Tiền lương và thưởng của nhân viên

Tập đoàn ghi nhận lương và thưởng của nhân viên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Mức lương và thưởng của nhân viên sẽ được chốt dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối năm.

(b) Thuế

Theo quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất phù hợp cho từng công ty trong Tập đoàn đối với lợi nhuận kế toán trước thuế giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

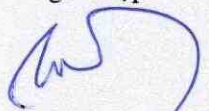
	1/1/2017 VND (đã phân loại lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.721.567.399.228	1.693.704.929.730
Phải thu ngắn hạn khác	101.678.865.652	129.541.335.150

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND (đã phân loại lại)	30/6/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	274.581.123.948	237.997.005.389
Chi phí quản lý doanh nghiệp	164.138.795.309	200.722.913.868

Ngày 19 tháng 7 năm 2017

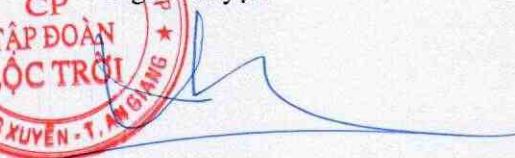
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

